

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 10/4/2025

V/v chia tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hạng

Bà Lương Ngọc Yến Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Lê Đăng Phương Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2025/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc: “Chia tài sản chung sau ly hôn”.

Do có kháng cáo của bị đơn ông Trương Quốc H đối với Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2025/QĐXXPT-HNGĐ và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐ-PT ngày 02/4/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị Hồng Đ, sinh năm: 1995

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trương Quốc H, sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Trương Quốc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Thị Hồng Đ trình bày:

Bà và ông Trương Quốc H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2015 và đã ly hôn theo Bản án số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 14/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm. Khi ly hôn, bà và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng là thửa đất số 557, tờ bản đồ số 3, tọa lạc thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 344,3m² theo đo đạc thực tế và căn nhà cấp 4 trên đất; yêu cầu chia đôi tài sản, giao ông H nhận nhà đất và thanh toán ½ giá trị cho bà; bà không yêu cầu chia giá trị các cây trồng trên đất mà để ông H sở hữu các cây trồng này.

Tại Đơn nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 18/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trương Quốc H trình bày:

Ông và bà Đ đã ly hôn theo Bản án số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 14/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm. Khi Tòa án chưa tuyên cho ly hôn, bà Đ và gia đình bà Đ đã chiếm đoạt tài sản của ông là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng cha mẹ cho để sửa nhà, 01 chiếc xe Honda Lead, vòng vàng nữ trang, tiền huê và để lại các khoản nợ ông phải trả gồm tiền vay ngân hàng C, đóng huê chết. Ông yêu cầu bà Đ phải trả lại cho ông số tiền cha mẹ ông cho và các tài sản bà Đ đã mang đi nêu trên. Yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của bà Đ.

Bản án sơ thẩm số: 40/2024/HNGĐ-ST ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ vào các Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; quyết định: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Mai Thị Hồng Đ.

1. Chia tài sản chung sau khi ly hôn giữa bà Mai Thị Hồng Đ và ông Trương Quốc H như sau:

- Giao ông Trương Quốc H quyền sử dụng đất diện tích 344,3m² thửa đất 577, tờ bản đồ số 3 thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất gồm: Nhà 01 tầng (mái tôn, không trần, tường gạch sơn nước, cửa sắt kính, nền gạch men) diện tích 38,8m²; mái che (lợp tôn, cột kèo sắt, nền xi măng) diện tích 22,1m²; tường gạch tấp lô cao 1,7m dài 2,6m; tường xây gạch dài 51,86m, cao 0,3m kết hợp lưới B40 cao 1,5m, trụ bê tông cốt thép; cổng trụ gạch cánh thép hình, diện tích 5m²; cây trồng trên đất (03 cây xoài ghép, 01 cây mận, 03 cây ổi, 01 cây măng cầu, 01 cây bơ).

- Ông Trương Quốc H có nghĩa vụ thanh toán tiền chia tài sản chung cho bà Mai Thị Hồng Đ 500.082.627đ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự;

Ngày 04 tháng 10 năm 2024, bị đơn ông Trương Quốc H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Trương Quốc H trình bày: Ông kháng cáo không đồng ý chia tài sản chung vợ chồng là nhà đất tại thửa đất 577, tờ bản đồ số 3 thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa và đề nghị để lại toàn bộ tài sản này cho con chung; ông xác định vợ chồng còn có những tài sản chung khác là tiền hốt huê, xe Honda Lead, dây chuyền, bông tai, lắc vàng, 10.000.000đ cho bà B mượn nhưng ông H không yêu cầu giải quyết; ông H yêu cầu bà Đ phải trả lại 200.000.000đ mà mẹ ông H đã cho vợ chồng để sửa nhà nhưng chưa kịp sửa và bà Đ đã lấy mang đi; yêu cầu giải quyết đối với số tiền 42.800.000đ (gồm 40.000.000đ nợ gốc và 2.800.000đ nợ lãi) ông đã chi để tất toán khoản nợ chung của vợ chồng tại Ngân hàng C Phòng giao dịch huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm; bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thửa đất 577, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa cùng nhà và cây trồng trên đất là tài sản chung vợ chồng của bà Mai Thị Hồng Đ và ông Trương Quốc H, hiện do ông H quản lý, sử dụng; tài sản này không thể chia đôi bằng hiện vật, bà Mai Thị Hồng Đ không có nhu cầu nhận hiện vật nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung, giao ông Trương Quốc H nhận tài sản và thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho bà Mai Thị Hồng Đ là có căn cứ.

[2] Tuy nhiên, bà Mai Thị Hồng Đ và ông Trương Quốc H đều thừa nhận ông H đã chi 42.800.000đ để tất toán khoản nợ chung của vợ chồng tại Ngân hàng C Phòng giao dịch huyện C (gồm 40.000.000đ nợ gốc và 2.800.000đ nợ lãi); bà Mai Thị Hồng Đ đồng ý thanh toán lại $\frac{1}{2}$ số tiền này cho ông H nên cần trừ đi khoản nợ chung này trước khi chia tài sản chung vợ chồng. Như vậy, ông H được quyền sở hữu và quyền sử dụng nhà đất tranh chấp và chỉ phải thanh toán lại cho bà Đ: $(1.000.165.255đ - 42.800.000đ) : 2 = 497.942.627đ$. Tòa án cấp sơ thẩm không trừ đi khoản nợ chung này khi chia tài sản chung là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H; Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại bản án sơ thẩm về nội dung này.

[3] Tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Trương Quốc H không có đơn yêu cầu giải quyết đối với khoản tiền 200.000.000đ mà ông cho là mẹ ông cho vợ chồng để sửa nhà và hiện do bà Mai Thị Hồng Đ giữ nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết là đúng.

[4] Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xác định lại giá trị tài sản chung mỗi người được chia là 497.942.627đ nên án phí sơ thẩm được tính lại; ông H và bà Đ, mỗi người phải chịu 23.917.705đ án phí sơ thẩm. Kháng cáo của ông H được chấp nhận một phần nên ông không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Chi phí tố tụng như quyết định của bản án sơ thẩm là đúng, được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Mai Thị Hồng Đ về chia tài sản chung sau khi ly hôn như sau:

- Ông Trương Quốc H được quyền sử dụng thửa đất 577, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 344,3m² và quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất (theo bản vẽ kèm theo bản án) gồm: Nhà 01 tầng (mái tôn, không trần, tường gạch sơn nước, cửa sắt kính, nền gạch men) diện tích 38,8m²; mái che (lợp tôn, cột kèo sắt, nền xi măng) diện tích 22,1m²; tường gạch tấp lô cao 1,7m dài 2,6m; tường xây gạch dài 51,86m, cao 0,3m kết hợp lưới B40 cao 1,5m, trụ bê tông cốt thép; cổng trụ gạch cánh thép hình diện tích 5m²; cây trồng trên đất (03 cây xoài ghép, 01 cây mận, 03 cây ổi, 01 cây măng cầu, 01 cây bơ).

- Ông Trương Quốc H phải thanh toán cho bà Mai Thị Hồng Đ 497.942.627đ.

2. Chi phí tố tụng: Bà Mai Thị Hồng Đ và ông Trương Quốc H, mỗi người phải chịu ½ chi phí tố tụng là 6.850.000đ. Bà Đ đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí tố tụng nên ông Trương Quốc H phải thanh toán lại cho bà Đ 6.850.000đ.

3. Án phí:

3.1. Bà Mai Thị Hồng Đ phải chịu 23.917.705đ án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào 10.000.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0009636 ngày 26/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm. Như vậy, bà Đ chỉ còn phải nộp 13.917.705đ.

3.2. Ông Trương Quốc H phải chịu 23.917.705đ án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008178 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm. Như vậy, ông H chỉ còn phải nộp 23.617.705đ.

Qui định chung:

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án và bản án có hiệu lực thi hành, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND huyện Cam Lâm;
- Chi cục THADS huyện Cam Lâm;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lê Thị Hiền